

KĨ NĂNG PHÒNG, TRÁNH TAI NẠN THƯƠNG TÍCH CHO TRẺ MẦM NON

Nguyễn Thị Thu Huyền - Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên

Nguyễn Thị Mỹ Trinh - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Ngày nhận bài: 12/8/2019; ngày chỉnh sửa: 26/8/2019; ngày duyệt đăng: 28/8/2019.

Abstract: Injury accidents have a significant impact on the health, life and quality of life of people of all ages, especially for preschool children. There are many causes of this situation, but the lack of skills to prevent and avoid injuries is the most important cause. In order to limit the risk of injury and death from child injuries, it is necessary to learn about injury accidents. In the article, we present a number of theoretical basis for skills to prevent and avoid injuries for preschool children such as concepts, characteristics, structure, factors affecting skills to prevent and avoid injuries for preschool children.

Keywords: Skill, prevent, injury accident, preschool children.

1. Mở đầu

Thương tích là nguyên nhân chính gây tử vong và tàn tật ở trẻ em. Hàng năm, trên thế giới có hơn một triệu trẻ em từ 14 tuổi trở xuống tử vong do chấn thương không chủ ý. Có đến 98% số ca tử vong xảy ra ở các nước có thu nhập thấp; trong đó, khu vực Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương chiếm gần 55% số ca tử vong do thương tích ở trẻ em và thanh thiếu niên dưới 20 tuổi. Các nguyên nhân chính gây thương tích ở trẻ em trong khu vực gồm đuối nước, tai nạn giao thông, bỏng, ngã, ngộ độc và thương tích cố ý [1]. Theo điều tra cộng đồng tại Nam Á và Đông Á cho thấy nguyên nhân chủ yếu của tử vong do thương tích ở trẻ dưới 1 tuổi là ngạt thở, ở trẻ dưới 5 tuổi là đuối nước [2].

Tại Việt Nam, theo thống kê của Cục Quản lý môi trường (2017), mỗi năm trung bình có hơn 370.000 trẻ em bị tai nạn thương tích (TNTT). Chính phủ đã ban hành các văn bản chỉ đạo các Bộ, ngành như Bộ Y tế, Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, Bộ GD-ĐT cũng như sự phối hợp của các tổ chức quốc tế như Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Plan Việt Nam (Plan International), Tổ chức Cứu trợ trẻ em (SC),... thực hiện các hoạt động phòng, chống TNTT; trong đó, ưu tiên là phòng, chống TNTT trẻ em.

TNTT có thể xảy ra mọi lúc, mọi nơi, khó lường và gây ra những thương tổn trên cơ thể người. Trẻ lứa tuổi mầm non dễ bị TNTT hơn so với lứa tuổi khác vì ở lứa tuổi này các em thường hiếu động, thích khám phá thế giới xung quanh, tuy nhiên mong ước được thử nghiệm của chúng không phải lúc nào cũng tương xứng với khả năng hiểu biết và mức độ ứng phó với nguy hiểm. Để hạn chế nguy cơ mắc và tử vong do TNTT ở trẻ em thì việc tìm hiểu về TNTT và các biện pháp phòng tránh là điều cần thiết để giúp các nhà giáo dục có biện pháp, hình thức tác động phù hợp nhằm hình thành kĩ năng phòng, tránh TNTT ở trẻ.

Bài viết trình bày cơ sở lí luận về kĩ năng phòng, tránh TNTT như khái niệm, đặc điểm, cấu trúc, các yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ mầm non.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Tai nạn thương tích

Theo tài liệu của Bộ Y tế [3] và các tài liệu của Tổ chức Y tế Thế giới [2], [4], [5] thì TNTT được định nghĩa như sau:

Tai nạn (accident): là sự kiện xảy ra không chủ ý, ngoài mong đợi, gây ra chấn thương, thương tổn hoặc dẫn đến tử vong. “Tai nạn” hiểu đúng nhất là một sự kiện không chủ ý gây ra thương tích hoặc có nguy cơ gây ra thương tích. Hầu hết các “tai nạn” có thể được ngăn chặn thông qua giáo dục, thay đổi trong môi trường và kĩ thuật, hay các chính sách thực thi pháp luật và các quy định cụ thể [6]. Do đó, có ý kiến cho rằng thuật ngữ “tai nạn” nên được thay thế bằng “thương tích không chủ ý” [7].

Thương tích (injury): là những tổn thương của cơ thể ở mức độ các cơ quan bị tổn thương cấp tính do năng lượng (năng lượng này có thể là cơ học, hóa chất, nhiệt điện hay phóng xạ) ảnh hưởng tới cơ thể một lượng hay tỉ lệ vượt quá ngưỡng chịu đựng về sinh lí học. Trong một số trường hợp, thương tích xảy ra do thiếu các yếu tố đảm bảo sự sống (đuối nước, nghẹt/ tắc thở, tê cóng). Thời gian bị thương và xuất hiện thương tổn diễn ra trong khoảng thời gian ngắn (vài phút).

Một định nghĩa khác về thương tích: là tổn thương vật lí hoặc thiệt hại cho cơ thể. Thương tích có thể do cố ý hoặc vô ý gây ra. Thương tích có thể là nhẹ và cần ít hoặc không cần chăm sóc; hoặc có thể nghiêm trọng hơn, cần điều trị hoặc nhập viện và có thể dẫn đến sẹo, thương tật hoặc tử vong vĩnh viễn [8].

Như vậy, cần phải hiểu hai khái niệm “tai nạn” và “TNTT” là hoàn toàn khác nhau. Khái niệm “tai nạn” là sự cố ngẫu nhiên, không chủ ý và gây hậu quả tiêu cực; còn khái niệm “TNTT” bao gồm cả sự cố ngẫu nhiên hoặc hành vi cố ý gây nên đồng thời cũng gây hậu quả tiêu cực, như vậy TNTT hoàn toàn có thể phòng, tránh được.

Từ nhận định trên cho thấy, nếu ghép từ “Tai nạn” và “Thương tích” thì chúng tôi hiểu, TNTT là những thương tổn do tai nạn gây ra bởi các yếu tố bên ngoài, có thể hoặc không dẫn đến tử vong.

2.1.2. Phòng, tránh tai nạn thương tích

- Phòng, tránh:

Theo nghĩa Từ điển Tiếng Việt:

+ *Phòng (nghĩa động từ)*: lo liệu để có biện pháp tránh, ngăn ngừa hoặc chuẩn bị đối phó với điều không hay có thể xảy ra [9; tr 794].

+ *Tránh (động từ)*: chủ động làm cho mình khỏi phải tiếp xúc hoặc khỏi phải chịu tác động trực tiếp của cái gì đó không hay, không thích [9; tr 1021].

Như vậy, có thể cho rằng: Phòng, tránh TNTT là một loạt các hành động được cá nhân thực hiện để nhằm chủ động tránh những yếu tố nguy hiểm hoặc tránh/loại trừ yếu tố nguy cơ không an toàn có thể gây ra TNTT cho bản thân, người khác.

Theo UNICEF, căn cứ vào toàn bộ quá trình xảy ra TNTT kể từ khi tiếp xúc, trong và sau khi tiếp xúc với các yếu tố nguy cơ, có thể phân chia thành ba cấp độ dự phòng:

+ *Dự phòng cấp 1 (ban đầu) là dự phòng trước khi TNTT xảy ra*: Mục đích là không để xảy ra TNTT bằng cách loại bỏ các yếu tố nguy cơ hoặc không tiếp xúc với các yếu tố nguy cơ gây nên TNTT. Các biện pháp dự phòng ban đầu có thể bao gồm việc lắp đặt rào chắn quanh các ao hồ, để phích nước nóng ở nơi an toàn mà trẻ em không với tay tới được, sử dụng các thiết bị an toàn khi chơi thể thao,...

+ *Dự phòng cấp 2 là dự phòng trong khi TNTT xảy ra*: nhằm làm giảm mức độ nghiêm trọng của các thương tổn khi xảy ra TNTT như đội mũ bảo hiểm xe máy để phòng tránh chấn thương sọ não khi tai nạn giao thông xảy ra.

+ *Dự phòng cấp 3 là dự phòng sau khi có TNTT xảy ra*: nhằm giảm thiểu hậu quả sau khi TNTT xảy ra. Thực hiện biện pháp điều trị với hiệu quả tối đa là điều kiện để giảm thiểu hậu quả của TNTT, sự tàn tật và tử vong. Đồng thời các biện pháp phục hồi chức năng cũng giúp cho nạn nhân hồi phục một cách tối đa các chức năng của cơ thể.

Như vậy, phòng, tránh TNTT chính là dự phòng cấp 1 trước khi tai nạn xảy ra.

- *Phương pháp phòng, tránh TNTT*

+ *Phương pháp phòng ngừa chủ động*: là làm thay đổi hành vi của cá nhân cần được bảo vệ như yêu cầu mọi người phải thực hiện các quy tắc an toàn khi tham gia các hoạt động khác nhau (đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, thắt dây an toàn khi đi xe ô tô,...). Phương pháp phòng ngừa chủ động đòi hỏi có sự tham gia và hợp tác của cả người lớn và trẻ nhỏ, có nghĩa là hiệu quả của việc phòng ngừa phụ thuộc vào bản thân đối tượng cần được bảo vệ có sử dụng đúng các biện pháp phòng ngừa hay không.

+ *Phương pháp phòng ngừa thụ động*: là thay đổi môi trường, điều kiện hay phương tiện của người sử dụng. Phương pháp phòng ngừa thụ động là biện pháp có hiệu quả nhất trong kiểm soát các TNTT. Biện pháp này không đòi hỏi phải có sự tham gia của trẻ mà việc phát huy tác dụng phòng ngừa hay bảo vệ chính là do các thiết bị, phương tiện đã được thiết kế để trẻ tự động được bảo vệ trong môi trường của mình.

Để nâng cao hiệu quả phòng, tránh TNTT cần sử dụng cả hai phương pháp nêu trên.

2.1.3. Kỹ năng, kĩ năng phòng, tránh tai nạn thương tích

Có rất nhiều tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu và đã đưa ra những quan điểm khác nhau về kĩ năng. Tổng kết lại, có hai quan niệm phổ biến về kĩ năng như sau:

- Cách thứ nhất, kĩ năng được xem như phương thức thực hiện hành động phù hợp với mục đích và điều kiện hành động mà con người đã nắm vững. Người có kĩ năng hoạt động là người nắm được tri thức về hoạt động đó và thực hiện hành động theo đúng yêu cầu của nó mà không cần tính đến kết quả hành động [10], [11]. Như vậy, theo quan niệm này: kĩ năng là mặt kĩ thuật của hành động, con người nắm được các hành động tức là có kĩ thuật hành động. Họ coi trọng cách thức thực hiện hành động hơn kết quả của hành động đó.

- Cách thứ hai, kĩ năng được xem xét nghiêng về năng lực của con người, là biểu hiện của năng lực con người chứ không đơn thuần là mặt kĩ thuật của hành động [12],... Cách tiếp cận này chú ý tới kết quả của hành động, coi kĩ năng là năng lực thực hiện một công việc với kết quả nhất định trong một thời gian nhất định trong điều kiện mới.

Về thực chất, hai quan niệm trên không phủ định nhau. Sự khác nhau chỉ ở chỗ mở rộng hay thu hẹp thành phần cấu trúc của kĩ năng cũng như những đặc tính của chúng. Mặt khác, theo chúng tôi, ở con người, khi kĩ năng của một hoạt động nào đó, đặc biệt là hoạt động nghề

ngiệp bắt đầu hình thành, cần xem xét kỹ năng ở mặt kỹ thuật của các thao tác, của hành động hay hoạt động. Khi kỹ năng đã hình thành ổn định, con người biết sử dụng nó một cách sáng tạo trong các hoàn cảnh khác nhau, khi đó, kỹ năng được xem xét như một năng lực, một vốn quý của con người. Có thể thấy, kỹ năng có các đặc điểm cơ bản sau:

+ Kỹ năng là mặt kỹ thuật của thao tác hay hành động nhất định, không có kỹ năng chung chung, trừu tượng, tách rời hành động của cá nhân.

+ Thành phần của kỹ năng bao gồm: Tri thức, kinh nghiệm đã có; quá trình thực hiện hành động; sự kiểm soát thường xuyên, trực tiếp của ý thức; kết quả của hành động.

+ Tiêu chuẩn để xác định sự hình thành và mức độ phát triển của kỹ năng là: tính đầy đủ; tính hợp lý; tính sáng tạo; tính linh hoạt; tính hiệu quả các động tác.

Như vậy, trẻ có kỹ năng khi:

- Có kiến thức về hành động: kể lại được mục đích, cách thức, phương tiện thực hiện hành động;

- Thực hiện hành động đúng yêu cầu;

- Đạt được kết quả của hành động theo mục đích đề ra;

- Có thể thực hiện được hành động trong những điều kiện tương tự.

Phân tích những quan niệm về kỹ năng, chúng tôi hiểu kỹ năng theo quan niệm thứ nhất, nghĩa là xem xét kỹ năng nghiêng về mặt kỹ thuật của hành động. Cụ thể là: kỹ năng là hành động được thực hiện nhờ việc áp dụng tri thức được trang bị, huy động nhu cầu, tình cảm, ý chí... của cá nhân nhằm thực hiện thành công mục đích nào đó. Như vậy, theo chúng tôi: Kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ mầm non là hành động nhận diện, chủ động thực hiện các biện pháp dự phòng và giảm thiểu các yếu tố nguy cơ gây TNTT nhờ sự vận dụng những hiểu biết được trang bị, huy động nhu cầu, tình cảm, ý chí... để giữ an toàn cho bản thân và người khác.

2.2. Đặc điểm và cấu trúc của kỹ năng phòng, tránh tai nạn thương tích

2.2.1. Đặc điểm kỹ năng phòng, tránh tai nạn thương tích của trẻ mầm non

Trẻ càng lớn thì sự nhận thức và quá trình lĩnh hội, tích lũy kinh nghiệm, biểu tượng, vốn sống so với các lứa tuổi trước càng phong phú hơn. Điều đó giúp trẻ có những nhận biết cơ bản về một số đồ vật không an toàn, những nơi nguy hiểm, một số tình huống khó khăn... và có những cách ứng phó và bảo vệ bản thân. Kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ có một số đặc điểm sau

- *Kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ không phải là yếu tố thuộc về bẩm sinh*: Kỹ năng sống nói chung và kỹ

năng phòng, tránh TNTT nói riêng không tự nhiên có mà được hình thành và phát triển bằng hoạt động của mỗi cá nhân, với hoạt động chủ đạo ở từng lứa tuổi, trong các hoạt động giáo dục và môi trường văn hóa - xã hội mà trẻ đang sống. Nó chịu ảnh hưởng của điều kiện sinh học. Kỹ năng phòng, tránh TNTT phát triển không đồng đều trong quá trình phát triển của mỗi cá nhân và giữa cá nhân này với cá nhân khác.

- *Kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ mầm non là sự kết hợp của tri thức, hành vi đã có (đã được trang bị) để lựa chọn thực hiện những phương thức hành động*: Trong đó tri thức đóng vai trò quan trọng, nó là cơ sở, là nền tảng để hình thành kỹ năng. Tri thức ở đây bao gồm tri thức về cách thức hành động và tri thức về đối tượng hành động.

- *Kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ mầm non khác nhau theo giai đoạn lịch sử - xã hội, vùng, miền, đối tượng*: Mỗi một giai đoạn phát triển của lịch sử - xã hội, mỗi vùng, mỗi miền lại đòi hỏi từng cá nhân trẻ có kỹ năng phòng, tránh TNTT khác nhau. Ví dụ: kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ miền núi khác so với trẻ miền biển; trẻ sống miền sông nước khác so với trẻ sống vùng đồng bằng; trẻ sống trong thời chiến tranh khác so với trẻ sống trong thời hòa bình...

- *Kỹ năng phòng, tránh TNTT thúc đẩy sự phát triển của cá nhân trẻ và xã hội vì nó gắn liền với ý thức và các hoạt động, các chức năng tâm lý khác*: Kỹ năng phòng, tránh TNTT buộc trẻ phải sử dụng ý thức và các chức năng tâm lý, từ trí tuệ đến tình cảm, nhu cầu, ý chí, tâm vận động giúp biến kiến thức thành thái độ, hành vi, thói quen tích cực, lành mạnh. Khi đồng thời cả ý thức, cả thể chất và cả kinh nghiệm xã hội được dùng đến, được khai thác trong quá trình thực hiện kỹ năng, thì chúng sẽ thay đổi và được cải thiện. Từ những cải thiện này sẽ dẫn tới phát triển giúp trẻ luôn vững vàng trước những khó khăn, thử thách; biết ứng xử, giải quyết vấn đề một cách tích cực và phù hợp. Kỹ năng phòng, tránh TNTT còn góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội, giúp ngăn ngừa giảm thiểu các TNTT. Việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT sẽ thúc đẩy những hành vi mang tính tích cực, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống xã hội và giảm các TNTT.

- *Kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ có tính "mở", linh hoạt trong những hoàn cảnh khác nhau sao cho phù hợp với mục đích, điều kiện thực hiện*: Kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ không bó chặt hành động vào một khuôn máy móc, ấn định, đơn điệu, vì những hành vi, cử chỉ khuôn mẫu, lặp lại cứng nhắc thì không phải kỹ năng. Do đó, thực chất kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ chính là phải tạo ra không gian và cơ hội để thêm bớt, thay đổi, điều chỉnh hành động. Chính đó là điều kiện để trẻ học hỏi và làm giàu kinh nghiệm của mình. Nhờ thế,

trẻ có nhiều cơ hội để phát triển theo phạm vi mở rộng của kỹ năng phòng, tránh TNTT vì trình độ và sự phong phú của kỹ năng phòng, tránh TNTT là một tiêu chí quan trọng để đánh giá sự phát triển của đứa trẻ.

- *Kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ có thể có nhiều tên gọi khác nhau* như: kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng an toàn, kỹ năng thoát hiểm, kỹ năng ứng phó với tình huống nguy hiểm...

- *Kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ không tồn tại riêng biệt mà luôn có sự gắn kết, bổ sung, hỗ trợ với những kỹ năng khác*: Các kỹ năng sống nói chung và kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ mầm non nói riêng không tồn tại độc lập mà có liên quan và hỗ trợ cho nhau, nhờ đó mà trẻ có thể ứng phó linh hoạt và hiệu quả đối với những nguy cơ và vấn đề khó khăn trong tình huống cuộc sống hàng ngày.. Ví dụ: kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ là sự phối hợp của các kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, kỹ năng giao tiếp...

2.2.2. Cấu trúc của kỹ năng phòng, tránh tai nạn thương tích cho trẻ

Các kỹ năng phòng, tránh TNTT sẽ là khác nhau trong các tình huống, tùy thuộc vào bản chất của tình huống/hoàn cảnh. Dựa vào đặc điểm, tiêu chí đánh giá kỹ năng và khái niệm kỹ năng phòng, tránh TNTT có thể thấy cấu trúc của kỹ năng phòng, tránh TNTT gồm:

- *Kỹ năng nhận diện tình huống/yếu tố nguy cơ gây TNTT*:

+ Kỹ năng nhận diện tình huống/yếu tố nguy cơ gây TNTT của trẻ 5-6 tuổi là hành động trẻ vận dụng tri thức, vốn kinh nghiệm đã có để quan sát, phán đoán, nhận diện những nguy hiểm trong những tình huống/ hoàn cảnh nhất định nhằm tránh được những tổn thương về cơ sở giải phẫu và hoạt động sinh lý đảm bảo cho thân thể được an toàn, khỏe mạnh.

+ Trẻ em với bản tính hiếu động, tò mò, thích khám phá nên xung quanh trẻ luôn rình rập những mối nguy hiểm. Từ những vật dụng đơn giản như dao, kéo, các

thiết bị điện, nước,... đều là những thứ có thể gây nguy hiểm tới trẻ, trong khi đó bản thân trẻ chưa có nhận thức về sự nguy hiểm, khiến trẻ càng tò mò và muốn khám phá. Do vậy, trước những mối đe dọa gây thương tích, trẻ cần có kỹ năng nhận diện nguy hiểm/ các yếu tố nguy cơ gây nguy hiểm để bản thân tránh được những tổn hại về thân thể.

- *Kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ khi gặp tình huống nguy hiểm*:

+ Kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ khi gặp tình huống nguy hiểm là hành động trẻ vận dụng tri thức, vốn kinh nghiệm đã có của bản thân để thông báo, tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết. Kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ sẽ giúp trẻ biết đưa ra những cách thông báo khẩn; xác định được những địa chỉ đáng tin cậy; biết tìm đến những địa chỉ đó; biết bày tỏ nhu cầu cần giúp đỡ một cách phù hợp như cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, ngắn gọn...

+ Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ sẽ giúp trẻ có thể nhận được những lời khuyên, sự can thiệp cần thiết để tháo gỡ, giải quyết những vấn đề khó khăn, giảm bớt được những tổn hại cho bản thân và người khác. Trẻ biết bố mẹ, cô giáo là những người thân, người đáng tin cậy nhất. Những người lạ trẻ có thể tin cậy là công an, bộ đội... Khi gặp tình huống nguy hiểm, trẻ phải: cố gắng gọi to nếu biết cô giáo hoặc người thân đang ở gần đó; nhớ số điện thoại của bố mẹ, cô giáo, của công an để gọi điện khi gặp nguy hiểm; tùy từng trường hợp cụ thể để gọi điện thoại công khai hoặc bí mật... Ví dụ: khi chủ định gọi điện thoại để dọa, xua đuổi, cố ý cho người lạ nghe thấy thì nói to, rõ ràng; khi đang ăn nấp tránh kẻ trộm đột nhập hoặc người nguy hiểm mà mình nghi ngờ thì gọi khẽ, chỉ đủ cho người lớn nghe thấy.

- *Kỹ năng ứng phó với tình huống, yếu tố nguy cơ gây TNTT*: Kỹ năng ứng phó với tình huống, yếu tố nguy cơ gây TNTT là hành động trẻ vận dụng những kiến thức đã có để thao tác phù hợp tránh tình trạng nguy hiểm đến bản thân.

Các kỹ năng này có biểu hiện và hành động (bảng 1):

Bảng 1. Biểu hiện của kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

Các KN phòng, tránh TNTT	Biểu hiện	Các hành động
1. Kỹ năng nhận diện tình huống/yếu tố nguy cơ gây TNTT	Quan sát môi trường, tình huống xung quanh có yếu tố nguy cơ gây TNTT không	Quan sát bằng cách sử dụng các giác quan, trực quan để nhận diện tình hình: + Nghe bằng tai âm thanh bất thường + Nhìn bằng mắt các chi tiết bất thường + Phát hiện bất thường: mùi lạ, khói..
	Phát hiện các biểu hiện bất thường và xác định yếu tố nguy cơ TNTT	- Sử dụng các giác quan phù hợp để quan sát, phát hiện được biểu hiện bất thường hoặc các yếu tố nguy cơ gây nguy hiểm - Nhận xét/ đánh giá được các biểu hiện đó

	Phán đoán mức độ nguy cơ gây TNTT cho bản thân và người khác	- Quan sát môi trường xung quanh và vị trí của mình có yếu tố nguy cơ gây nguy hiểm không - Nêu được hậu quả trong hoàn cảnh/ tình huống
2. Kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ khi gặp tình huống nguy hiểm	Đưa ra thông báo khẩn để tìm kiếm sự giúp đỡ	Sử dụng từ ngữ, hành động hoặc kết hợp cả từ ngữ và hành động phù hợp để thông báo nguy hiểm: gọi, hét, gõ, đập, nhấn chuông... để tìm sự giúp đỡ khi gặp nguy hiểm
	Xác định đối tượng phù hợp để nhờ giúp đỡ	Quan sát và xác định được đối tượng có thể nhờ giúp đỡ (bộ đội, công an, bảo vệ...)
	Hợp tác, cung cấp thông tin về tình huống và yếu tố nguy cơ gây TNTT	Chủ động trao đổi/ hỏi/ yêu cầu hỗ trợ của người khác để tìm phương án giải quyết vấn đề: biết thông tin của bản thân (tên, tuổi/ lớp/ trường...), người thân (nói được tên bố, mẹ, ông, bà,... địa chỉ nhà, số điện thoại của 1 người thân hoặc địa chỉ cơ quan của bố/ mẹ), biết số điện thoại hỗ trợ khẩn cấp (113, 114, 115)
3. Kỹ năng ứng phó với tình huống, yếu tố nguy cơ gây TNTT	Hành động giảm thiểu mức độ nguy hiểm cho bản thân	- Lắng nghe các quy định, hướng dẫn của người lớn - Thực hiện theo những chỉ dẫn đã được học - Quan sát hành vi của người lớn và chủ động bắt chước theo
	Hành động giảm thiểu yếu tố nguy cơ	- Có hành vi, lời nói phù hợp trong hoàn cảnh/ tình huống nguy hiểm - Xác định những việc cần làm - Đưa ra các phương án giải quyết vấn đề và chọn lựa - Chủ động trao đổi/ hỏi/ yêu cầu hỗ trợ của người khác để tìm phương án giải quyết vấn đề

2.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng phòng, tránh tai nạn thương tích của trẻ mầm non

2.3.1. Môi trường giáo dục nhà trường

- *Trình độ, nhận thức, năng lực của giáo viên (GV), cán bộ quản lí:* Năng lực, nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lí, GV là yếu tố giữ vai trò quyết định trong việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. GV là người làm việc trực tiếp với trẻ; nếu cán bộ quản lí, GV mầm non là những người có năng lực, có tâm huyết, yêu nghề, mến trẻ, nhiệt tình trong trau dồi kiến thức, xác định đúng mục tiêu, lập kế hoạch, sử dụng các phương pháp, biện pháp phù hợp trong giáo dục trẻ thì sẽ mang lại hiệu quả. Chính vì vậy, nhà giáo dục cần hiểu biết về phương thức học của trẻ với từng độ tuổi để có cách thức giáo dục hay dạy học phù hợp. Lựa chọn các phương pháp phù hợp sẽ tạo điều kiện cho kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ được hình thành bền vững.

- *Môi trường giáo dục:* Môi trường giáo dục trong trường mầm non có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của trẻ. Môi trường giáo dục tốt sẽ tạo cơ hội cho trẻ tìm tòi, khám phá, phát hiện nhiều điều mới lạ, hấp dẫn trong cuộc sống, qua đó kiến thức và kỹ năng ở trẻ dần được hình thành. Do vậy, cần tạo môi trường chăm sóc, nuôi, dạy an toàn, lành mạnh về thể chất, tâm lí cho trẻ vừa có tác dụng giáo dục, có tính thẩm mỹ vừa thực

hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ, phòng, chống TNTT. Môi trường giáo dục gồm cả môi trường vật chất và môi trường tinh thần:

+ *Môi trường vật chất:* là cơ sở vật chất, chương trình giáo dục, tài liệu, học liệu, hoạt động giáo dục. Điều kiện cơ sở vật chất luôn gắn liền và được coi là hệ quả của yếu tố chính sách giáo dục đối với trẻ mẫu giáo. Theo đó, khi có điều kiện cơ sở vật chất phù hợp bao gồm cả trong và ngoài lớp học, đảm bảo đủ và đúng theo các tiêu chuẩn quy định và phù hợp với đặc điểm văn hóa của trẻ sẽ là điều kiện, nền tảng để giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo đạt hiệu quả cao nhất.

+ *Môi trường tinh thần:* là thái độ, tương tác của các thành viên trong trường, lớp như mối quan hệ của GV với trẻ, giữa trẻ với các bạn trong lớp và những người xung quanh. GV phải thật sự yêu thương, tôn trọng và có trách nhiệm đối với mọi trẻ; coi trọng việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ, coi đây là việc làm một cách tự giác, thường xuyên, hàng ngày, trong những hoàn cảnh có thể.

- *Kế hoạch giáo dục:* Nhà trường cần có kế hoạch giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ ở từng độ tuổi một cách phù hợp; xây dựng chuẩn đánh giá mức độ phát triển kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ; tập huấn, bồi dưỡng cho GV về phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phòng,

tránh TNTT cho trẻ. Đồng thời, cần huy động, hướng dẫn, cung cấp điều kiện để phối hợp với gia đình trong việc giáo dục hình thành kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ.

- *Quá trình tổ chức hướng dẫn các kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ của GV:* GV có ảnh hưởng lớn đến việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. Bởi vì, trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, GV đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn trẻ theo mục đích đã đề ra. GV không chỉ cần nắm vững nội dung Chương trình mà còn cần phải biết sử dụng phương pháp, biện pháp phù hợp với tình huống và hoàn cảnh cụ thể, dẫn dắt trẻ tiếp cận kiến thức, kỹ năng theo mục đích giáo dục. Một yêu cầu không thể thiếu, đó là GV cần phải có kỹ năng sư phạm. Kỹ năng sư phạm giúp GV có phương pháp truyền thụ tốt, linh hoạt trong việc phối hợp các phương pháp, phương tiện tổ chức hoạt động, đồng thời nắm bắt được tâm lý trẻ để tổ chức một cách có hiệu quả. Kiến thức chuyên môn vững kết hợp với kỹ năng sư phạm tốt giúp GV mầm non chủ động, linh hoạt trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ.

- *Sự phối hợp giữa GV với gia đình trong việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ:* Sự phối kết hợp giữa gia đình và nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ. GV chủ động đưa ra kế hoạch trong đó có những nội dung cụ thể về sự tham gia của phụ huynh sẽ khiến phụ huynh tham gia vào các hoạt động và đưa ra những phản hồi, góp ý, nhận xét để việc giáo dục của GV có hiệu quả. Mặt khác, những hướng dẫn của GV sẽ giúp phụ huynh chủ động trong việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ ở gia đình. Như vậy, việc hình thành kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ cần có sự phối kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa gia đình và nhà trường thì mới đem hiệu quả như mong muốn.

2.3.2. Môi trường gia đình

- *Trình độ, nhận thức của cha mẹ/người nuôi dưỡng về việc chăm sóc, giáo dục trẻ nói chung và về việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ nói riêng:* Nhận thức của cha mẹ/người nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ về tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT và sự hiểu biết về việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo có ảnh hưởng nhiều đến mức độ biểu hiện kỹ năng này của trẻ. Nếu các bậc phụ huynh là những người trực tiếp chăm sóc trẻ có hiểu biết và coi trọng việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT cho trẻ, coi đây là việc làm một cách tự giác, thường xuyên, hàng ngày, trong mọi tình huống, mọi hoàn cảnh thì kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ sẽ ngày càng phát triển và bền vững.

- *Hành vi của cha mẹ và những thành viên khác trong gia đình:* các hành vi này cũng có thể ảnh hưởng lớn đến

kỹ năng của trẻ. Cha mẹ là tấm gương để trẻ noi theo, dù vô tình hay cố ý, những hành vi của cha mẹ là hình mẫu điển hình nhất để trẻ học tập và làm theo. Nếu cha mẹ có hành vi, cách cư xử, ứng phó tiêu cực, thụ động thì ngay từ nhỏ, trẻ có thể cho đó là cách ứng phó duy nhất; và sau này dù thay đổi nhận thức thì những hành vi này ít nhiều vẫn ảnh hưởng đến trẻ. Ngược lại, nếu cha mẹ suy nghĩ và hành động tích cực cũng sẽ làm nảy sinh ở trẻ những suy nghĩ và hành vi tích cực.

2.3.3. Môi trường cộng đồng

Kinh tế, xã hội của địa phương ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh TNTT và việc hình thành kỹ năng này ở trẻ. Khi có được các chính sách phát triển kinh tế xã hội phù hợp sẽ kéo theo các điều kiện, kinh tế xã hội địa phương ổn định và phát triển thì các cấp ủy, Đảng, các ban ngành của địa phương sẽ có sự quan tâm, chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân hơn. Theo đó, việc truyền thông đến cộng đồng cùng với các cơ sở giáo dục mầm non cũng quan tâm đến chăm sóc - giáo dục trẻ được tốt hơn.

Mặt khác, phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức xã hội trong địa phương nhằm thống nhất định hướng tác động đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ. Đồng thời, giúp địa phương theo dõi tiến trình, đánh giá kết quả của việc chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, trên cơ sở đó phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục.

Tóm lại, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ mẫu giáo, trong đó ngoài bản thân trẻ là yếu tố có tính chất quyết định, thì còn chịu nhiều ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau (môi trường gia đình, môi trường giáo dục nhà trường, môi trường xã hội, cộng đồng). Việc phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu của các yếu tố này sẽ giúp cho sự hình thành và phát triển kỹ năng phòng, tránh TNTT của trẻ mẫu giáo đạt hiệu quả cao nhất.

3. Kết luận

TNTT ở trẻ em là một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tử vong và di chứng tàn tật suốt đời cho trẻ. Mặc dù nhiều biện pháp phòng chống TNTT cho trẻ em đã và đang được thực hiện, nhưng tình hình trẻ nhập viện vì TNTT vẫn chưa giảm. Phần lớn các trường hợp TNTT trẻ em xảy ra là do sự bất cẩn của người lớn. Bởi vậy, để hạn chế tối đa TNTT cho trẻ, trước hết cần sự quan tâm, chăm sóc của các bậc phụ huynh. Bên cạnh đó, ngoài việc cố gắng bảo vệ trẻ khỏi các nguy cơ rủi ro thì việc dạy trẻ mầm non kỹ năng phòng, tránh các TNTT là điều rất cần thiết. Kỹ năng này giúp trẻ tự tin ứng phó với các nguy cơ không an toàn và hạn chế tối đa những tổn hại đến bản thân mình.

(Xem tiếp trang 9)

và kỹ năng tự bảo vệ bản thân. Tuy nhiên, hình thức giáo dục chủ yếu là thông qua hoạt động dạy học môn Đạo đức và các giờ sinh hoạt lớp; hoạt động trải nghiệm có thể huy động được tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi nhưng vì nhiều nguyên nhân khác nhau nên chưa được ưu tiên sử dụng. Ngoài ra, mặc dù lực lượng GV chưa đáp ứng được yêu cầu GDKNS thì việc các trường chưa quan tâm đến việc mời chuyên gia về tổ chức GDKNS. Hình thức phối hợp với phụ huynh HS để tiến hành GDKNS cho HS cũng chưa được chú trọng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- [2] Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa*.
- [3] Nguyễn Thanh Bình (2011). *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Huỳnh Văn Sơn (2009). *Nhập môn về kỹ năng sống*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Đinh Thị Kim Thoa - Bùi Thị Thủy Hằng (2010). *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Lê Bá Lộc (2016). *Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 11, tr 232-235.
- [7] Nguyễn Thị Thu Hằng (2012). *Cơ sở cho việc giáo dục kỹ năng sống nhìn từ góc độ tâm lý*. Tạp chí Giáo dục, số 284, tr 17-19; 31.
- [8] Vũ Thị Thanh Nga (2015). *Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn Giáo dục công dân*. Tạp chí Giáo dục, số 360, tr 49-50; 45.
- [9] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Môn Giáo dục công dân (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- [10] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.

KỸ NĂNG PHÒNG, TRÁNH TAI NẠN...

(Tiếp theo trang 20)

Tài liệu tham khảo

- [1] WHO (2010). *Profile of Child Injuries: Selected Member States in the Asia - Pacific Region*.
- [2] Margie Peden - Kayode Oyegbite - Joan Ozanne-Smith - Adam Ahyder - Christine Branche - AKM Fazlur Rahman - Frederick Rivara - Kidist Bartolomeos (2008). *World report on child injury prevention*. WHO.
- [3] Bộ Y tế (2006). *Quyết định số 170/2006/QĐ-BYT ngày 17/01/2006 Hướng dẫn xây dựng cộng đồng an toàn phòng chống tai nạn thương tích*.
- [4] Holder Y. - Peden M. et al (2001). *Injury surveillance guidelines*. Health & Development Networks.
- [5] WHO (2001). *Injury surveillance guidelines*. Published in conjunction with the Centers for Disease Control and Prevention, Atlanta, USA.
- [6] Simpson JC - Turnbull BL - Ardagh M, Richardson S. (2009). *Child home injury prevention: understanding the context of unintentional injuries to preschool children*. International Journal of Injury Control and Safety Promotion, Vol. 16(3), pp. 159-167.
- [7] Kendrick D - Mulvaney CA - Ye L - Stevens T - Mytton JA - Stewart-Brown S (2013). *Parenting interventions for the prevention of unintentional injuries in childhood*. Cochrane Database of Systematic Reviews, 3, CD006020.
- [8] Gary Robinson - Bonnie Moss - Bernard Leckning (2016). *Prevention of unintentional injury in childhood: a selective review of the evidence on unintentional injury, parental supervision and prevention*. Centre for Child Development and Education, Menzies School of Health Research.
- [9] Lê Thị Huyền (2009). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Thanh niên.
- [10] V.A. Crutexki (1981). *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm*, tập 1. NXB Giáo dục.
- [11] Kovaliov A.G (1994). *Tâm lý học cá nhân*. NXB Giáo dục.
- [12] Levitov N.D (1971). *Tâm lý học trẻ em và tâm lý học sư phạm*. NXB Giáo dục.